

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 38/2025/DS-ST
Ngày 14-3-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tâm Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Hồng;
bà Nguyễn Thị Ly.

- **Thư ký phiên tòa:** ông Hồ Nhựt Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:**
bà Đoàn Thụy Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1351/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp “hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2025/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần X; trụ sở: số 54A, đường N, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp:

Ông Võ Văn L, sinh năm 1994; địa chỉ: số 129, đường T, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần X (văn bản ủy quyền số 4611/2024/GUQ-TGD12 ngày 04/6/2024);

Ông Phạm Thanh Ph, sinh năm 1981; địa chỉ: số 471, tổ 10, khóm X, phường T, thị xã T, tỉnh An Giang, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần X (văn bản ủy quyền số 4611/2024/GUQ-TGD12 ngày 04/6/2024);

- **Bị đơn:**

Ông Châu Chí Ng, sinh năm 1982; nơi cư trú: khóm L, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang.

Bà Phạm Thị Huyền Tr, sinh năm 1982; nơi cư trú: khóm L, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/7/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần X (sau đây gọi là Ngân hàng X), đại diện theo ủy quyền là Ông Võ Văn L trình bày, Ngân hàng X cho ông Ng, bà Tr vay số tiền gốc 100.000.000 đồng, lãi suất vay trong hạn: 21,5%/năm, quá hạn: 150% của lãi suất trong hạn, thời hạn 60 tháng từ ngày 12/10/2021 theo hợp đồng cho vay số 00711/2021/HĐCVKTSBĐ/RB/2757514 ngày 12/10/2021 (sau đây gọi là hợp đồng số 00711 và đã giải ngân cho ông Ng, bà Tr ngay trong ngày ký hợp đồng. Thực hiện hợp đồng vay, hằng tháng ông Ng, bà Tr có thanh toán gốc, lãi không đầy đủ, trong đó gốc 18.337.000 đồng, lãi trong hạn: 20.181.127 đồng, lãi quá hạn: 20.020 đồng. Ông Ng, bà Tr còn nợ lại gốc: 81.663.000 đồng, lãi trong hạn 53.462.419 đồng, quá hạn 7.097.321 đồng tính đến ngày 12/12/2024.

Bên cạnh đó, Ngân hàng X cho ông Ng, bà Tr vay thấu chi số tiền gốc 250.000.000 đồng, lãi suất trong hạn là 18%/năm, quá hạn là 150% của lãi suất trong hạn, thời hạn 12 tháng từ ngày 12/10/2021 đến ngày 30/9/2022 theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01499/HĐTD/2021/HĐTCCHM/RB/2757514 ngày 12/10/2021 (sau đây gọi là hợp đồng số 01499 ngày 12/10/2021). Việc tính lãi trong hạn trên dư nợ gốc thực tế khách hàng sử dụng. Trong khoản vay thấu chi, ông Ng, bà Tr có nhiều lần sử dụng tiền vay. Ngày 30/9/2022, ông Ng, bà Tr nợ số tiền gốc thực tế 249.899.683 đồng nên phát sinh lãi quá hạn trên dư nợ gốc thực tế từ ngày 30/9/2022. Đến ngày 11/10/2022, ông Ng, bà Tr mới trả gốc được 10.000.000 đồng nên tiền gốc còn nợ: 239.899.683 đồng cho đến nay.

Theo đơn khởi kiện ngày 19/7/2024, Ngân hàng X tính khoản tiền lãi trong hạn của khoản vay thấu chi: 33.795.072 đồng là không đúng do hệ thống phần mềm bị lỗi, Ngân hàng X cung cấp lại số tiền lãi trong hạn chính xác là 7.404.360 đồng, tính từ ngày 12/12/2021 đến ngày 30/9/2022 trên số tiền ông Ng, bà Tr sử dụng khoản vay gốc dao động khi chưa thanh toán lãi trong hạn đầy đủ. Còn tiền lãi quá hạn của khoản vay thấu chi chính xác là 147.079.898 đồng trên dư nợ gốc thực tế chưa thanh toán từ ngày 01/10/2022 đến nay.

Ngoài ra, ông Ng có sử dụng khoản vay qua thẻ tín dụng theo giấy đăng ký kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 23/9/2021, hạn mức 50.000.000 đồng (sau đây gọi là giấy đăng ký, sử dụng thẻ tín dụng ngày 23/9/2021), lãi suất trong hạn 40%/tháng theo quyết định của Ngân hàng X, lãi quá hạn 145% của lãi suất trong hạn. Theo thẻ tín dụng đã cấp, ông Ng đã sử dụng khoản vay gốc: 47.949.999 đồng, lãi trong hạn: 43.667.342 đồng, lãi quá hạn: 16.741.775 đồng tính đến ngày 12/12/2024. Đối với khoản vay thẻ tín dụng này thì Ngân hàng X không yêu cầu đối với bà Tr do không có tham gia hợp đồng.

Vì vậy, Ngân hàng X yêu cầu:

Ông Ng, bà Tr trả tiền vay theo hợp đồng số 00711 ngày 12/10/2021, cụ thể: gốc: 81.663.000 đồng, lãi trong hạn 58.167.550 đồng, lãi quá hạn: 8.788.139 đồng tính đến ngày 14/3/2025 và yêu cầu trả lãi trên nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 15/3/2025 đến khi trả xong nợ.

Ông Ng, bà Tr trả tiền vay theo hợp đồng số 01499 ngày 12/10/2021, cụ thể: gốc: 239.899.683 đồng, lãi trong hạn 7.404.360 đồng, lãi quá hạn: 163.406.221 đồng tính đến ngày 14/3/2025 và yêu cầu trả lãi trên nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 15/3/2025 đến khi trả xong nợ.

Ông Ng trả tiền vay theo giấy đăng ký, sử dụng thẻ tín dụng ngày 23/9/2021, cụ thể: gốc: 47.949.999 đồng, lãi trong hạn 48.501.753 đồng, lãi quá hạn: 13.218.435 đồng tính đến ngày 14/3/2025 và yêu cầu trả lãi trên nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 15/3/2025 đến khi trả xong nợ.

Ý kiến của ông L tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng X: Ngân hàng X giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện. Tuy nhiên, Ngân hàng X rút lại yêu cầu bà Tr trả gốc, lãi đối với tiền vay do ông Ng vay qua thẻ tín dụng theo giấy đăng ký, sử dụng thẻ tín dụng ngày 23/9/2021.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; chấp nhận khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần X,

Buộc Ông Châu Chí Ng, Bà Phạm Thị Huyền Tr trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần X, tính đến ngày 14/3/2025, khoản vay theo hợp đồng cho vay gồm vốn gốc 81.663.000 đồng, lãi trong hạn, quá hạn; khoản vay thấu chi gồm vốn gốc 239.899.683 đồng, lãi trong hạn, quá hạn và tính lãi phát sinh tiếp theo cho đến khi thanh toán xong toàn bộ hợp đồng.

Buộc Ông Châu Chí Ng trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần X, tính đến ngày 14/3/2025 khoản vay thẻ tín dụng vốn gốc: 47.949.999 đồng, lãi trong hạn, quá hạn và tính lãi phát sinh tiếp theo cho đến khi thanh toán xong toàn bộ hợp đồng.

Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần X đối với Bà Phạm Thị Huyền Tr về yêu cầu liên đới trả khoản vay thẻ tín dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá và nhận định như sau:

[1] Ngân hàng X có đơn khởi kiện đối với ông Ng, bà Tr về yêu cầu trả tiền vay. Ông Ng, bà Tr có địa chỉ cư trú thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang. Do đó, quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp “hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ngân hàng X có đại diện là ông L có mặt, ông Ph vắng mặt; ông Ng, bà Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại đơn khởi kiện, Ngân hàng X yêu cầu ông Ng, bà Tr trả tiền vay thẻ tín dụng. Tuy nhiên, tại phiên tòa, Ngân hàng X rút lại một phần khởi kiện đối với bà Tr về yêu cầu trả tiền vay theo thẻ tín dụng. Đây là quyền tự định đoạt của Ngân hàng X nên Tòa án chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với một phần khởi kiện bà Tr về yêu cầu cùng liên đới trả tiền vay thẻ tín dụng theo quy định tại Điều 5, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Nếu có tranh chấp thì có quyền thỏa thuận, khởi kiện lại phần đã rút yêu cầu theo quy định của pháp luật.

[3] Ngân hàng X cho rằng, ông Ng, bà Tr có xác lập với Ngân hàng X về các hợp đồng: số 00711 ngày 12/10/2021, số tiền vay gốc 100.000.000 đồng; số 01499 ngày 12/10/2021, số tiền vay gốc 250.000.000 đồng; Bên cạnh đó, ông Ng có xác lập, sử dụng thẻ tín dụng theo giấy đăng ký, sử dụng thẻ tín dụng ngày 23/9/2021, hạn mức sử dụng 100.000.000 đồng; Ngân hàng X đã giải ngân cho ông Ng, bà Tr theo các hợp đồng tín dụng nhưng đến kỳ hạn thanh toán, ông Ng, bà Tr không thực hiện đúng hợp đồng. Ngân hàng X yêu cầu ông Ng, bà Tr trả lại tiền vay theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng nêu trên.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi Tòa án thụ lý, hòa giải, xét xử vụ việc tranh chấp, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Ng, bà Tr không có văn bản ý kiến, vắng mặt không có lý do xem như bỏ mặc việc tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm theo khởi kiện của Ngân hàng X. Tòa án xem xét, giải quyết vụ việc dựa vào các tình tiết, sự kiện, tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng X đưa ra theo quy định khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Theo tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng X giao nộp, lời khai của đại diện Ngân hàng do Tòa án thu thập thì thấy các hợp đồng tín dụng được xác lập giữa Ngân hàng X với ông Ng, có sự đồng thuận của bà Tr có nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và hình thức phù hợp quy định của pháp luật nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng. Tuy nhiên, quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng, ông Ng, bà Tr không thực hiện đúng thỏa thuận, Ngân hàng X yêu cầu ông Ng, bà Tr có trách nhiệm liên đới trả lại tiền vay gốc, lãi còn nợ theo các hợp đồng tín dụng: số 00711 ngày 12/10/2021; số 01499 ngày 12/10/2021 và bảng tính lãi các khoản nợ tín dụng, thấu chi là có căn cứ.

Ngoài ra, theo giấy đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 23/9/2021 thì ông Ng có cam kết, sử dụng, vay tiền qua thẻ tín dụng của Ngân hàng X. Tuy nhiên, ông Ng không thực hiện đúng thỏa thuận, Ngân hàng X yêu cầu ông Ng có trách nhiệm trả lại tiền vay gốc, lãi thẻ tín dụng còn nợ theo giấy đăng ký, sử dụng thẻ tín dụng ngày 23/9/2021, bảng tính lãi nợ thẻ là có căn cứ.

[6] Theo quy định Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự, Tòa án chấp nhận khởi kiện của Ngân hàng X về yêu cầu trả lại số tiền vay, cụ thể như sau:

Ông Ng, bà Tr phải có trách nhiệm liên đới trả lại cho Ngân hàng X số tiền gốc: 81.663.000 đồng, lãi trong hạn 58.167.550 đồng, lãi quá hạn của gốc 8.788.139 đồng đến ngày 14/3/2025 theo hợp đồng tín dụng số 00711 ngày 12/10/2021.

Ông Ng, bà Tr phải có trách nhiệm liên đới trả lại cho Ngân hàng X số tiền gốc: 239.899.683 đồng, lãi trong hạn 7.404.360 đồng, lãi quá hạn của gốc 163.406.221 đồng đến ngày 14/3/2025 theo hợp đồng tín dụng số 01499 ngày 12/10/2021.

Ông Ng phải có trách nhiệm trả lại cho Ngân hàng X số tiền gốc: 47.949.999 đồng, lãi trong hạn 48.501.753 đồng, lãi quá hạn của gốc 13.218.435 đồng đến ngày 14/3/2025 theo giấy đăng ký, sử dụng thẻ tín dụng ngày 23/9/2021.

[7] Ngoài các khoản nợ gốc, lãi mà ông Ng, bà Tr phải thanh toán cho Ngân hàng X tính đến ngày xét xử sơ thẩm thì Ngân hàng X có yêu cầu trả lãi quá hạn đối với các khoản vay gốc theo các hợp đồng tín dụng, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thanh toán xong từng khoản vay gốc còn nợ là có căn cứ. Theo Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17-10-2016, Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng X về việc ông Ng, bà Tr phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng kể từ ngày 15/3/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

[8] Về án phí sơ thẩm: Tòa án chấp nhận khởi kiện của Ngân hàng X về yêu cầu ông Ng, bà Tr trả tiền vay, lãi theo các hợp đồng tín dụng nên ông Ng, bà Tr phải chịu án phí sơ thẩm đối với từng yêu cầu có giá ngạch quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Án lệ số 08/20216/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17-10-2016.

1. Chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần X đối với bị đơn Ông Châu Chí Ng, Bà Phạm Thị Huyền Tr về yêu cầu trả tiền vay gốc, tiền lãi các hợp đồng tín dụng.

Buộc Ông Châu Chí Ng, Bà Phạm Thị Huyền Tr phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần X tổng số tiền vay: 550.328.953 đồng (trong đó gốc: 321.562.683 đồng, lãi trong hạn: 65.571.910 đồng, lãi quá hạn: 172.194.360 đồng đến ngày 14/3/2025).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc, ông Ng, bà Tr còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng cho vay số 00711/2021/HĐCVKTSBĐ/RB/2757514 ngày 12/10/2021, hợp đồng tín dụng hạn mức số 01499/HĐTD/2021/HĐTCCHM/RB/2757514 ngày 12/10/2021.

2. Chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần X đối với bị đơn Ông Châu Chí Ng về yêu cầu trả tiền vay gốc, tiền lãi thẻ tín dụng.

Buộc Ông Châu Chí Ng phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần X số tiền vay: 109.670.187 đồng (trong đó gốc: 47.949.999 đồng, lãi trong hạn: 48.501.753 đồng, lãi quá hạn: 13.218.435 đồng đến ngày 14/3/2025).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc, ông Ng còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong giấy đăng ký kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 23/9/2021.

3. Đình chỉ xét xử phần khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần X đối với bị đơn Bà Phạm Thị Huyền Tr về yêu cầu liên đới trả tiền vay gốc: 47.949.999 đồng, lãi trong hạn và quá hạn theo giấy đăng ký kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 23/9/2021.

4. Về án phí sơ thẩm: Ngân hàng thương mại cổ phần X được nhận lại tạm ứng án phí 13.255.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0023575 ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Ông Châu Chí Ng, Bà Phạm Thị Huyền Tr cùng phải chịu án phí 26.013.158 đồng. Riêng Ông Châu Chí Ng phải chịu án phí 5.483.509 đồng.

5. Ngân hàng thương mại cổ phần X có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày được tính từ ngày tuyên án. Ông Ng, bà Tr vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tâm Nhân